UBND TỈNH AN GIANG **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5005 /STC-QLNS V/v phương án phân loại tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026-2030	*An Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2026*

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường

Sở Tài chính nhận được Báo cáo số 538/BC-SNNMT ngày 11/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp phương án phân loại tự chủ tài chính và dự toán thu, chi của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026-2030. Sở Tài chính có ý kiến như sau:

I. Theo báo cáo tổng hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường có 11 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2), gồm 06 đơn vị: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Trung tâm Kỹ thuật, Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Cảng cá An Giang; Trung tâm Đăng kiểm tàu cá; Văn phòng Đăng ký đất đai; Trung tâm Giống Nông Lâm ngư nghiệp.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3), gồm 01 đơn vị: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường;

- Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4), gồm 04 đơn vị: Trung tâm Khuyến nông; Ban Quản lý Rừng khu vực I; Ban Quản lý Rừng khu vực II; Ban Quản lý Khu bảo tồn biển.

II. Ý kiến Sở Tài chính:

Căn cứ các quy định:

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 03/2026/TT-BTC ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Trên cơ sở các căn cứ pháp lý nêu trên và qua xem xét hồ sơ liên quan phương án phân loại tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026-2030 tại Báo cáo 538/BC-SNNMT, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Đối với Báo cáo tổng hợp phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 của Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Căn cứ Phụ lục số 03 "Mẫu báo cáo tổng hợp phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập" ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát Báo cáo tổng hợp phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 đảm bảo đầy đủ thông tin, nội dung theo quy định. Trong đó:

a) Mục I về đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của giai đoạn trước:

- Tại điểm b khoản 2: bổ sung tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước của các đơn vị sự nghiệp như về mức thu các khoản phí, lệ phí thu; các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác; đơn giá nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng.

- Tại điểm d khoản 2: bổ sung nội dung thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ (chi tiết theo từng năm). Cụ thể:

+ Nguồn thu, chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn thu, nội dung chi);

+ Phân phối kết quả tài chính trong năm (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích các quỹ);

+ Về tình hình chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động: Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 1 lần lương:.... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 1 lần - 2 lần lương:... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần lương:... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần lương:... đơn vị. Đơn vị có người thu nhập tăng thêm cao nhất là.... đồng/tháng (tên đơn vị). Đơn vị có người thu nhập tăng thêm thấp nhất là.... đồng/tháng (tên đơn vị).

b) Mục II về đề xuất phương án phân loại tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc giai đoạn tiếp theo: tại khoản 2 về nội dung chi thường xuyên, đề nghị đơn vị chi tiết nội dung chi và theo nguồn tài chính.

c) Biểu mẫu số liệu thu chi và phân loại phương án phân loại tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026-2030: đề nghị đơn vị rà soát, điều chỉnh, bổ sung đầy đủ nội dung, thông tin, số liệu theo đúng quy định tại Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC.

2. Đối với các phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 của các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Căn cứ Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về "Mẫu báo cáo phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập", đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát phương án phân loại tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 của các đơn vị trực thuộc đảm bảo đầy đủ nội dung, thông tin, số liệu theo biểu mẫu quy định nêu trên. Cụ thể:

2.1. Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn An Giang:

a) Tại phần thứ nhất - đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước:

Về thu nhập tăng thêm cho viên chức và người lao động: đề nghị Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn An Giang (trước sắp xếp): đề nghị đơn vị rà soát mức chi thu nhập bình quân, cao nhất, thấp nhất của người lao động theo năm để báo cáo số liệu cho phù hợp.

b) Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030:

- Đề nghị đơn vị liệt kê các danh mục dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị thực hiện để làm căn cứ phân loại mức độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Đối với việc xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên:

Tại Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP được bổ sung bởi Điểm c Khoản 6 Điều 1 Nghị định 111/2025/NĐ-CP, quy định "*Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%) = A / B x 100%*

Trong đó:

a) A gồm các khoản thu quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 11; điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 15; khoản 2 Điều 19 của Nghị định này. Trong đó, đối với khoản thu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11; điểm b khoản 2 Điều 15 và khoản 2 Điều 19

chỉ xác định chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước); khoản thu tại khoản 3 Điều 11 và khoản 3 Điều 15 không tính khoản chi nhiệm vụ không thường xuyên.

b) B gồm các khoản chi quy định tại Điều 12, Điều 16, Điều 20 của Nghị định này; không bao gồm các khoản chi thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Giá trị A và B quy định tại khoản 1 Điều này được tính trên cơ sở dự toán thu, chi tại năm đơn vị xây dựng phương án tự chủ tài chính để trình cấp có thẩm quyền".

Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC quy định "*2. Xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên. Các đơn vị sự nghiệp công thực hiện xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức như sau:*

Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%) = A/B x 100%

Trong đó:

a) A là tổng các khoản thu xác định mức tự chủ tài chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, bao gồm:

- Nguồn thu từ cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định);

- Nguồn thu thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ (áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập);

- Nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước) từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước; từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật;

- Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

- Thu từ cho thuê tài sản công (sau khi trừ các chi phí hợp lý có liên quan đến việc cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công và nộp các khoản thuế theo quy định); thu từ lãi tiền gửi ngân hàng (sau khi trừ phí dịch vụ ngân hàng (nếu có) và nộp thuế theo quy định);

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) B là tổng các khoản chi xác định mức độ tự chủ tài chính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (trong đó bao gồm cả các khoản chi để thực hiện nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, chi thực hiện các chính sách miễn, giảm học phí theo quy định, chi thường xuyên phục vụ dịch vụ thu phí theo quy định).

Một số nội dung chi xác định như sau:

- Chi tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định theo số lượng người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt; chi tiền lương theo hợp đồng lao động (nếu có);

- Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ (áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập);

- Chi hoạt động chuyên môn; chi quản lý; chi bảo trì, bảo dưỡng tài sản thường xuyên, chi mua sắm đảm bảo hoạt động thường xuyên từ nguồn kinh phí giao tự chủ (không bao gồm các khoản chi theo dự án/đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt bố trí kinh phí thường xuyên không giao tự chủ) và các khoản chi thường xuyên khác;

Các khoản chi xác định mức độ tự chủ tài chính (B) không bao gồm các khoản chi thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân;

c) Các khoản thu, chi quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính trên cơ sở dự toán thu, chi tại năm kế hoạch xây dựng phương án tự chủ tài chính để trình cấp có thẩm quyền, có xét đến các yếu tố biến động do thay đổi chính sách, chế độ của Nhà nước, khả năng chi trả của các đối tượng thụ hưởng, tác động khách quan do thiên tai, dịch bệnh và các biến động kinh tế - xã hội bất thường khác. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo theo đúng quy định của pháp luật và dự kiến về yếu tố biến động do thay đổi chính sách, chế độ của Nhà nước, thiên tai, dịch bệnh, điều kiện kinh tế - xã hội.

3. Nguyên tắc xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ năm đầu thời kỳ ổn định:

Căn cứ dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định, cơ quan quản lý cấp trên xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ năm đầu thời kỳ ổn định đối với đơn vị trực thuộc nhóm 3 và nhóm 4 theo nguyên tắc bằng phần kinh phí còn thiếu giữa B và A (=B-A) quy định tại điểm a và điểm b

*khoản 2 Điều này nhưng tối đa không vượt quá tổng dự toán chi thường xuyên đã được cấp có thẩm quyền giao trong năm của cơ quan quản lý cấp trê*n".

Tại Điều 8 Thông tư số 56/2022/TT-BTC quy định "*Điều 8. Xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác*

Đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Thông tư này và các quy định sau:

1. Các khoản thu xác định mức tự chủ tài chính (A) của đơn vị là tổng các khoản thu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư này, trong đó bao gồm:

a) Nguồn thu từ cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định);

b) Nguồn thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án theo quy định.

2. Các khoản chi xác định mức tự chủ tài chính (B) của đơn vị là tổng các khoản chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này".

Qua kiểm tra, mức tự bảo đảm chi thường xuyên được đơn vị xác định trên cơ sở tổng dự toán thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước/từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; các khoản chi thường xuyên đã bao gồm các khoản chi thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, hoạt động sản xuất, kinh doanh là chưa đúng quy định nêu trên ; số thu từ lãi tiền gửi ngân hàng chưa làm rõ đã/chưa trừ phí dịch vụ ngân hàng (nếu có) và nộp thuế theo quy định. Do đó, Sở Tài chính không có cơ sở cho ý kiến đối với mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo đề nghị của đơn vị. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn đơn vị xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên theo đúng các quy định như đã nêu trên.

- Đối với việc xác định mức tự bảo đảm chi đầu tư:

Tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định "*1. Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (sau đây gọi là đơn vị nhóm 1) là đơn vị đáp ứng một trong các điều kiện sau:*

a) Đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo phương án quy định tại Điều 10 Nghị định này bằng hoặc lớn hơn 100%; có mức tự bảo đảm chi đầu tư bằng hoặc lớn hơn mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định của đơn vị.

Mức tự bảo đảm chi đầu tư được xác định bao gồm các nguồn sau:

- Số dự kiến trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong năm kế hoạch hoặc của bình quân 05 năm trước liền kề;

- Số thu phí được để lại để chi thường xuyên không giao tự chủ theo quy định".

Tại khoản 5 mục II phần thứ 2 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC quy định "*5. Đối với đơn vị sự nghiệp công có mức tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên bằng hoặc lớn hơn 100%: Đơn vị báo cáo thêm về tổng giá trị tài sản là trang thiết bị, mức trích khấu hao và giá trị hao mòn tài sản cố định (trang thiết bị) theo quy định*".

Theo đó, đề nghị đơn vị rà soát báo cáo thêm về tổng giá trị tài sản là trang thiết bị, mức trích khấu hao và giá trị hao mòn tài sản cố định (trang thiết bị) theo quy định.

c) Về biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đề nghị đơn vị rà soát Biểu mẫu báo cáo số 1, 2, 3 kèm theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC để điều chỉnh, bổ sung nội dung và xác định số liệu tại phụ lục đính kèm phương án theo đúng quy định.

2.2. Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường An Giang:

a) Tại phần thứ nhất - đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước:

- Tại điểm 4 Mục II phần B: đơn vị báo cáo chênh lệch thu chi năm 2025 là -6.799 triệu đồng. Tuy nhiên, đơn vị chưa báo cáo cụ thể nguyên nhân dẫn đến mất cân đối thu, chi. Để có cơ sở xây dựng phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030, đề nghị đơn vị bổ sung vào phương án nguyên nhân, hướng xử lý đối với tình trạng mất cân đối tài chính năm 2025 nêu trên.

- Đề nghị đơn vị bổ sung thêm nội dung "Thu nhập tăng thêm của người lao động" cho phù hợp với mẫu biểu quy định.

b) Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030: đề nghị đơn vị rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến Sở Tài chính tại điểm b khoản 2.1 mục 2 nêu trên.

c) Về biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đề nghị đơn vị bổ sung Biểu mẫu báo cáo số 1 kèm theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC.

2.3. Ban Quản lý Cảng cá An Giang:

a) Tại phần thứ nhất - đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước:

Tại Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp sếp) giao quyền tự chủ tài chính cho ban Quản lý Cảng cá An Giang giai đoạn 2022-2026. Tuy nhiên qua rà soát, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 là chưa phù hợp. Đề nghị đơn vị rà soát, bổ sung nội dung báo cáo tình hình thực hiện tự chủ tài chính đối với giai đoạn 2022-2025.

b) Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030 và biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đề nghị đơn vị rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến Sở Tài chính tại điểm b, c khoản 2.1 mục 2 nêu trên.

2.4. Trung tâm Đăng kiểm tàu cá:

Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030 và biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đơn vị xác định là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên. Tuy nhiên về mức tự bảo đảm chi đầu tư, căn cứ khoản 5 mục II phần thứ 2 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC quy định "*5. Đối với đơn vị sự nghiệp công có mức tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên bằng hoặc lớn hơn 100%: Đơn vị báo cáo thêm về tổng giá trị tài sản là trang thiết bị, mức trích khấu hao và giá trị hao mòn tài sản cố định (trang thiết bị) theo quy định*". Theo đó, đề nghị đơn vị rà soát báo cáo về tổng giá trị tài sản là trang thiết bị, mức trích khấu hao và giá trị hao mòn tài sản cố định (trang thiết bị) theo quy định.

Đồng thời, đề nghị đơn vị rà soát quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, tình hình triển khai tại đơn vị để rà soát, xác định mức độ tự chủ cho phù hợp.

2.5.Văn phòng Đăng ký đất đai:

a) Tại phần thứ nhất - đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước:

- Tại Quyết định số 2267/QĐ-UBD ngày 09/9/2022 Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) giao quyền tự chủ tài chính Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh giai đoạn 2022-2026 và tại Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang (trước sắp xếp) giao quyền tự chủ tài chính Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh giai đoạn 2023-2025, tuy nhiên tại điểm 4, 5, 6 đơn vị đánh giá tình hình tài chính thu, chi, phân phối kinh phí tiết kiệm, thu nhập tăng thêm người lao động giai đoạn 2024-2025 là chưa đầy đủ. Đề nghị đơn vị bổ sung nội dung, số liệu báo cáo đánh giá giai đoạn 2022-2025 cho đầy đủ và phù hợp với quy định.

- Tại điểm 7 về khó khăn, tồn tại: đơn vị trình bày "Đơn vị thực hiện theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày

21/6/2021". Đề nghị đơn vị rà soát các khó khăn, tồn tại trong quá trình thực hiện phương án tự chủ 2022-2025 để trình bày nội dung cho phù hợp và làm cơ sở đánh giá, xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030.

- Bổ sung các nội dung sau: số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng; thực hiện chính sách miễn giảm theo quy định (nêu cụ thể) về mức thu sự nghiệp; tình hình chấp hành quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và quy định khác (nếu có).

b) Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030 và biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đề nghị đơn vị rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến Sở Tài chính tại điểm b, c khoản 2.1 mục 2 nêu trên.

Đồng thời, đơn vị xác định là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên. Tuy nhiên về mức tự bảo đảm chi đầu tư được đơn vị xác định là 12.020 triệu đồng (Số dự kiến trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp năm 2026) cao hơn mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định của đơn vị là 4.978 triệu đồng, đề nghị đơn vị rà soát quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, tình hình thực tế tại đơn vị để rà soát, xác định mức độ tự chủ cho phù hợp.

2.6. Trung tâm Giống nông lâm ngư nghiệp An Giang:

a) Tại phần thứ nhất - đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước: bổ sung thêm số liệu về "Thu nhập tăng thêm của người lao động".

b) Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030 và biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đề nghị đơn vị rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến Sở Tài chính tại điểm b, c khoản 2.1 mục 2 nêu trên.

2.7. Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường:

a) Tại phần thứ nhất - đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước:

Tại Quyết định số 2267/QĐ-UBD ngày 09/9/2022 Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) giao quyền tự chủ tài chính Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường giai đoạn 2022-2026 và tại Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 ngày 30/12/2022 Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang (trước sắp xếp) giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường giai đoạn 2023-2025, tuy nhiên đơn vị đánh giá tình hình tài chính thu, chi, phân phối kinh phí tiết kiệm, thu nhập tăng thêm người lao động giai đoạn 2023-2025 là chưa đầy đủ. Đề nghị đơn vị bổ sung nội dung, số liệu báo cáo đánh giá giai đoạn 2022-2025 cho đầy đủ và phù hợp với quy định

b) Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030 và biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đề nghị đơn vị rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến Sở Tài chính tại điểm b, c khoản 2.1 mục 2 nêu trên.

2.8. Trung tâm Khuyến nông:

a) Tại phần thứ nhất - đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước:

Tại Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm Khuyến nông giai đoạn 2022-2026 và tại Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang (trước sắp xếp) giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm Khuyến nông giai đoạn 2023-2025, tuy nhiên đơn vị đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ năm 2025 là chưa đầy đủ. Đề nghị đơn vị bổ sung nội dung, số liệu báo cáo đánh giá giai đoạn 2022-2025 cho đầy đủ và phù hợp với quy định.

b) Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030 và biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đề nghị đơn vị rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến Sở Tài chính tại điểm b, c khoản 2.1 mục 2 nêu trên.

2.9. Ban Quản lý rừng Khu vực I:

a) Tại phần thứ nhất - đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước:

Tại Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 01/8/2022, đơn vị được phân loại đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí – nhóm 4. Theo đó, tại mục V về phân phối chênh lệch thu chi giai đoạn 2022-2025, đơn vị báo cáo phân phối trích lập các quỹ là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Do đó, đề nghị đơn vị rà soát, báo cáo số liệu cho đúng quy định.

b) Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030 và biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đề nghị đơn vị rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến Sở Tài chính tại điểm b, c khoản 2.1 mục 2 nêu trên.

2.10. Ban Quản lý rừng Khu vực II:

a) Tại phần thứ nhất - đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước:

Tại Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 30/12/2022, đơn vị được phân loại đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm một phần kinh phí – nhóm 3, giai đoạn 2023-2025. Theo đó:

- Đề nghị đơn vị rà soát nội dung, số liệu báo cáo đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ giai đoạn 2023-2025 cho phù hợp.

- Qua rà soát phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030, đơn vị đề xuất phân loại đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ - nhóm 4. Tại khoản 6 về những khó khăn, tồn tại, kiến nghị: đề nghị đơn vị làm rõ nguyên nhân hiện nay không còn nguồn thu để làm cơ sở đánh giá, xây dựng phương án giai đoạn 2026-2030.

b) Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030 và biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đề nghị đơn vị rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến Sở Tài chính tại điểm b, c khoản 2.1 mục 2 nêu trên.

2.11. Ban Quản lý Khu bảo tồn biển An Giang:

b) Tại phần thứ hai - Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn 2026-2030 và biểu mẫu báo cáo kèm theo phương án: đề nghị đơn vị rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến Sở Tài chính tại điểm b, c khoản 2.1 mục 2 nêu trên.

3. Khoản 7 Điều 9 Thông tư số 56/2022/TT-BTC quy định "*7. Sau mỗi thời kỳ ổn định, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, nâng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị nhóm 3 trực thuộc theo lộ trình quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP*". Theo đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát các đơn vị sự nghiệp công lập dược phân loại tự chủ thuộc nhóm 3 trong giai đoạn trước và xem xét nâng mức độ tự chủ tài chính theo lộ trình quy định nêu trên và phù hợp tình hình thực tế triển khai tại đơn vị.

4. Ngày 08/4/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 105/NQ-CP Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới. Theo đó: điểm d, mục 2, Phụ lục II. Phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công của các Bộ, ngành, địa phương có nêu: "d*) Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường*

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường sắp xếp theo hướng tối đa không quá 07 đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công tương ứng với 07 lĩnh vực sau: (1) đăng ký đất đai; (2) phát triển quỹ đất; (3) khuyến nông; (4) dịch vụ nông nghiệp; (5) dịch vụ môi trường; (6) quản lý rừng và bảo tồn thiên nhiên; (7) quản lý đê điều; trong đó giao 01 đơn vị phục vụ quản lý nhà nước (nếu có) và không tính các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên".

Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổ chức thực hiện việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật.

5. Sau khi rà soát và hoàn chỉnh các phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc, báo cáo tổng hợp của Sở Nông nghiệp và Môi trường, đề nghị đơn vị gửi lại Sở Tài chính có ý kiến làm cơ sở để Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt theo đúng quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc và PGĐ Tín;
- Lưu: VT, QLNS, hbtran.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH AN GIANG

Trịnh Trung Tín